

Bản án số: 03/2018/HS-ST  
Ngày 25-7-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHÁNH VĨNH, TỈNH KHÁNH HÒA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Mạo

Ông Lê Văn Cường

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Xuân C, sinh năm 1985 tại Nha Trang, Khánh Hòa

Nơi cư trú: Thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ văn hoá 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê S và bà Phan Thị T; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17/4/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” hiện đang chấp hành án tại Trại giam công an tỉnh Khánh Hòa, ngày 11/7/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tổng hợp hình phạt của cả hai bản án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 01 năm 09 tháng tù). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***- Bị hại:***

+ Ông Niê Y T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

Ông Y T có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Ba G, sinh năm 1968 và bà Cao Thị V, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị V là ông Ba G.

Ông Ba G, bà Cao Thị V có mặt tại phiên tòa.  
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*  
+ Ông Niê Y D, sinh năm 1997;  
Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.  
Đại diện theo ủy quyền của ông Niê Y D là ông Niê Y T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.  
Ông Niê Y T có mặt tại phiên tòa.  
+ Bà Nguyễn Lại Thị Mỹ D, sinh năm 1970;  
Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.  
Bà D vắng mặt tại phiên tòa.  
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại ông Ba G:* Ông Thiều H  
– Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Khánh Hòa.  
Ông H có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài nhưng lười lao động nên trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 11 năm 2017, Lê Xuân C đã thực hiện 02 vụ trộm cắp xe máy trên địa bàn huyện Khánh Vĩnh. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 07 giờ ngày 10/4/2017, Lê Xuân C đi xe buýt từ thành phố N lên xã K, huyện K với mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi lên tới xã K, khoảng 09 giờ cùng ngày C phát hiện 01 xe mô tô biển kiểm soát 79X1-037.75 đang dựng trong vườn keo của gia đình ông Niê Y T cách đường tỉnh lộ 8 khoảng 60m, thuộc tổ 6 thôn B, xã K không có người trông coi. C tiến lại tiếp cận chiếc xe, quan sát xung quanh không có người nên đã dùng 01 cây đoản sắt hình chữ “T”, 01 cây đoản sắt hình lục giác có đầu dẹp được chuẩn bị từ trước để mở khóa, sau khi mở khóa xe mô tô trên, C điều khiển xe về nhà tại xã V, thành phố N tháo biển số của xe này ra sau đó gắn biển số khác vào dùng làm phương tiện đi lại.

Vụ thứ hai: Vào sáng ngày 21/11/2017, C tiếp tục đón xe khách tuyến Nha Trang – Đà Lạt đi lên huyện K với mục đích trộm cắp tài sản. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày C lên tới địa phận xã C, huyện K thì xuống xe tiếp tục đi bộ dọc theo tuyến đường quốc lộ 27C (Nha Trang – Đà Lạt) phát hiện 01 xe mô tô biển kiểm soát 79X1-009.66 của ông Ba G đang dựng tại vườn keo của gia đình tại xóm 5, thôn Đ, xã C. Quan sát xung quanh thấy không có người trông coi, C liền tiến lại gần rồi dùng 01 cây đoản sắt hình chữ “T”, 01 cây đoản sắt hình lục giác có đầu dẹp mang theo trước đó để phá ổ khóa xe mô tô BKS 79X1-009.66 rồi nổ máy chạy về N tháo biển số cất giấu. Đến khoảng 17 giờ ngày 21/11/2017, C mang xe mô tô BKS 79X1-009.66 đến quán café tại ngã 3 đường Nha Trang – Đà Lạt để tìm người tiêu thụ. Tại đây, C đã bán chiếc xe trên với giá 3.200.000 đồng cho một người thanh niên tên “B” (Hiện cơ quan điều tra chưa xác định được lai lịch của người này). Đối với số tiền 3.200.000 đồng bán chiếc xe 79X1-009.66 C sử dụng tiêu xài cá nhân.

Tại các Biên bản kết luận định giá tài sản ngày 03/3/2018 và ngày 08/5/2018

của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Khánh Vĩnh kết luận:

- Xe mô tô BKS 79X1-037.75 do C trộm cắp ngày 10/4/2017 có giá trị 15.225.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

- Xe mô tô BKS 79X1-009.66 do C trộm cắp ngày 21/11/2017 có giá trị 8.648.000 đồng (Tám triệu sáu trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Khánh Vĩnh thu giữ được:

- 01 xe mô tô BKS 79X1-037.75, là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Niê Y D (em trai của Niê Y T) giao cho ông Y T sử dụng. Hiện tại tài sản đã được trả lại cho chủ sở hữu.

- 01 biển số xe mô tô BKS 79X1-009.66 thuộc sở hữu của ông Ba G, đã trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với 01 cây đoạn sắt hình chữ “T”, dài khoảng 10cm; 01 cây đoạn sắt một đầu dẹp, một đầu hình lục giác, dài khoảng 5cm đã được xử lý (tịch thu tiêu hủy) theo bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HSST ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 31/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Lê Xuân C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Xuân C về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo C mức án từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhân sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo Lê Xuân C và bị hại ông Ba G, bà Cao Thị V về việc bị cáo C đồng ý bồi thường cho ông Ba G, bà Cao Thị V số tiền 13.000.000 (mười ba triệu) đồng. Đối với người bị hại ông Niê Y T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Tài sản thu giữ được đã trả lại cho chủ sở hữu, các vật chứng còn lại đã được xử lý trong bản án số 06/2018/HSST của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm nên không xem xét.

Bị cáo Lê Xuân C khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng truy tố và bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh nên không có ý kiến tranh luận gì thêm và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại ông Ba G, bà Cao Thị V không tranh luận gì thêm và đề nghị HĐXX cho người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình là ông Thiều H thay mình tranh luận.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp ông Thiều H trình bày tranh luận: Người bị hại ông Ba G là người đồng bào dân tộc thiểu số, cách tiếp thu câu hỏi cũng như tranh luận tại phiên tòa có phần hạn chế do đó trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa trình bày ý kiến không được rõ mong HĐXX

xem xét. Đối với vấn đề bồi thường thiệt hại, tại phiên tòa bị cáo và người bị hại là ông Ba G, bà Cao Thị V đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường với số tiền 13.000.000 đồng nên đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận này. Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo C, phía bị hại không có ý kiến gì thêm.

Đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Niê Y T không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Lại Thị Mỹ D, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của người này không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo. HĐXX căn cứ vào các Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Khánh Vĩnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Xuân C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh đã truy tố. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Lê Xuân C đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, phần tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Để có tiền tiêu xài cá nhân nhưng với bản tính lười lao động, ngày 10/4/2017 bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Niê Y T 01 chiếc xe mô tô BKS 79X1-037.75 có giá trị 15.225.000 đồng mang về nhà dùng làm phương tiện đi lại. Đến ngày 21/11/2017 bị cáo tiếp tục lên huyện K để thực hiện hành vi trộm cắp và đã chiếm đoạt của ông Ba G, bà Cao Thị V 01 xe mô tô BKS 79X1-009.66 có giá trị 8.648.000 đồng. Sau khi lấy xe của ông Ba G bị cáo mang về nhà tháo gỡ biển số nhằm tránh sự theo dõi của công an và người khác rồi mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã trộm cắp của ông T và ông Ba G là 23.873.000 đồng. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân mà còn gây mất trật tự tại địa phương và thuộc trường

hợp phạm tội 02 lần được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện K, trong khoảng thời gian trên bị cáo còn liên tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại những địa phương khác trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Ninh Thuận. Cho thấy bị cáo có sự chuẩn bị và chủ động về thực hiện hành vi phạm pháp. HĐXX xét thấy hành vi của bị cáo cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; tài sản trộm cắp đã thu hồi lại được một phần trả cho chủ sở hữu. Đây là những tình tiết giảm nhẹ khi áp dụng hình phạt cho bị cáo. Do đó, đối với bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 khi xem xét quyết định hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với người bị hại ông Niê Y T khai đã nhận lại chiếc xe mô tô BKS 79X1-037.75 và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[3] **Về bồi thường dân sự:** Tại phiên tòa người bị hại ông Ba G, bà Cao Thị V yêu cầu bị cáo Lê Xuân C bồi thường thiệt hại, bị cáo C đồng ý và hai bên đã thỏa thuận được với nhau mức bồi thường với số tiền 13.000.000 (mười ba triệu) đồng. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận nêu trên là hoàn toàn tự nguyện và vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[4] **Về vật chứng của vụ án:** Vật chứng của vụ án đã được xử lý trong vụ án khác nên HĐXX không xem xét.

[5] **Về án phí:** Bị cáo Lê Xuân C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Xuân C.

Tuyên bố bị cáo Lê Xuân C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

\* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự 2015.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Lê Xuân C và bị hại ông Ba G, bà Cao Thị V về việc bị cáo Lê Xuân C bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Ba

G, bà Cao Thị V số tiền 13.000.000 (mười ba triệu) đồng.

**Quy định:** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 (viện dẫn Điều 468 Bộ luật dân sự 2015) tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

\* Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Xuân C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Xuân C, người bị hại ông Niê Y T, ông Ba G, bà Cao Thị V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Niê Y D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Lại Thị Mỹ D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Khánh Vĩnh;
- Công an huyện Khánh Vĩnh;
- Chi cục THADS huyện Khánh Vĩnh;
- Sở Tư pháp Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Người bị hại; người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**Nguyễn Thị Thu Hiền**